

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 161/2024/DS-ST
Ngày: 07-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Văn Hoa Vinh;

Ông Bùi Đắc Nghĩa.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Quốc Việt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2024/TLST-DS, ngày 05 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Thi Thị S, sinh năm 1968; nơi cư trú: Tổ I, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bà S: Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1962; nơi cư trú: Tổ D, ấp D, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền, ký ngày 26-12-2023) có đơn xin vắng mặt.

- **Bị đơn:** Chị Quách Thị Hồng T, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ C, ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: Tổ B, ấp B, xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 12 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Đỗ Thị M trình bày:

Bà Thi Thị S và chị Quách Thị Hồng T là chỗ quen biết với nhau nên vào ngày 19-6-2022 (âm lịch), nhằm ngày 17-7-2022 (dương lịch) bà S có cho chị T vay số tiền 20.000.000 đồng, khi vay chị T tự viết giấy vay tiền, hạn 03 tháng sau trả lại và đóng lãi hàng tháng, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói 03%/tháng, không ghi vào giấy vay tiền, không biết mục đích vay để làm gì. Đến chiều cùng ngày bà S tiếp tục cho chị T vay thêm số tiền 10.000.000 đồng, chị T viết mặt sau của giấy vay tiền nêu trên nhưng không có ký tên mà có bà Thi Thị H chị em với bà S cùng bà Lê Thị Hoàng D là mẹ ruột của chị T ký tên làm chứng. Như vậy bà S cho chị T vay 02 lần, tổng số tiền 30.000.000 đồng.

Từ khi vay chị T có trả tiền lãi được 8.000.000 đồng (không nhớ mấy tháng) và đến hạn trả nợ gốc chị T không trả cho bà S số tiền đã vay và không tiếp tục trả tiền lãi như thỏa thuận. Bà S đã yêu cầu chị T trả lại số tiền vay 30.000.000 đồng nhưng chị T cố tình trốn tránh nên ngày 26-12-2023 bà S khởi kiện yêu cầu chị Quách Thị Hồng T có nghĩa vụ trả số tiền 30.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 17-7-2022 đến khi giải quyết xong vụ án, theo mức lãi 0,83%/tháng.

Do chị T vắng mặt và không làm việc được với người làm chứng bà Thi Thị H, bà Lê Thị Hoàng D nên ngày 29-7-2024 bà Thi Thị S rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 10.000.000 đồng, chỉ yêu cầu chị Quách Thị Hồng T trả lại số tiền vay gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 18-4-2023 đến khi giải quyết xong vụ án, theo mức lãi 0,83%/tháng.

Chị Quách Thị Hồng T đã được Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu của bà S.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Bà Đỗ Thị M là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; chị Quách Thị Hồng T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt bà M, chị T là phù hợp theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được Thẩm phán công khai khi giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thì yêu cầu khởi kiện của bà Thi Thị S là có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thi Thị S đối với chị Quách Thị Hồng T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc chị Quách Thị Hồng T có nghĩa vụ trả cho bà Thi Thị S số tiền vay gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 18-4-2023 đến ngày 07-8-2024, theo mức lãi 0,83%/tháng.

+ Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của bà Thi Thị S đối với chị Quách Thị Hồng T về số tiền vay 10.000.000 đồng.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Quách Thị Hồng T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đỗ Thị M là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt; chị Quách Thị Hồng T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà M, chị T.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét thấy, bà Thi Thị S khởi kiện yêu cầu chị Quách Thị Hồng T có nghĩa vụ trả lại số tiền vay gốc 20.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 18-4-2023 đến khi giải quyết xong vụ án, theo mức lãi 0,83%/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Quách Thị Hồng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu của bà S.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà S, Hội đồng xét xử nhận định: Khi khởi kiện bà S cung cấp chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là 01 Giấy vay tiền, đề ngày 19-6-2022 AL (nhằm ngày 17-7-2022 dương lịch) có nội dung “*Bên A Thi Thị S1, sinh năm 1968, bên B Quách Thị Hồng T, sinh năm 1986.... bà S1 có cho chị Quách Thị Hồng T mượn số tiền 20.000.000 đồng, hứa 03 tháng hoàn trả số tiền và đóng lãi hàng tháng...*”, tại bút lục từ số 25. Chứng cứ này đã được Tòa án mở phiên họp công khai và thông báo cho chị T biết nhưng chị T không có ý kiến nên căn cứ các Điều 91, 92, 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là nguồn chứng cứ hợp pháp dùng để giải quyết vụ án.

[3] Xét chứng cứ là giấy vay tiền do bà S1 cung cấp thấy rằng, giữa bà Thi Thị S1 và chị Quách Thị Hồng T có giao kết hợp đồng vay tiền với nhau, khi giao kết hai bên tự nguyện, có lập hợp đồng, nội dung hợp đồng các bên thỏa thuận tài sản vay là số tiền 20.000.000 đồng. Theo giấy vay tiền thì hai bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ và lãi suất nên việc thỏa thuận giữa các bên là phù hợp với quy định tại các Điều 463, 468 của Bộ luật Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T không có ý kiến đối với yêu cầu của bà S1. Do đó bà S1 khởi kiện yêu cầu chị T trả số tiền vay gốc 20.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự.

[4] Xét thấy, ngày 29 tháng 7 năm 2024 bà Đỗ Thị M là người đại diện theo ủy quyền của bà S1 có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không tiếp tục yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền vay gốc 10.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận và căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ phần yêu cầu này của bà S1 đối với chị T. Bà S1 có quyền khởi kiện lại phần yêu cầu đã đình chỉ theo quy định của pháp luật.

[5] Xét yêu cầu tính tiền lãi của bà Thi Thị S1 thấy rằng: Theo giấy vay tiền, đề ngày 19-6-2022 âm lịch, có ghi thời hạn trả nợ là 03 tháng và có thỏa thuận việc trả tiền lãi hàng tháng nhưng không ghi mức lãi suất là bao nhiêu. Trong quá trình giải quyết vụ án bà M là người đại diện theo ủy quyền của bà S1 yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 18-4-2023 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất 0,83%/tháng là có căn cứ chấp nhận, vì theo bà M trình bày khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 03%/tháng và từ khi vay tiền chị T có trả tiền lãi cho bà S1 được số tiền 8.000.000 đồng, như vậy nếu tính tiền lãi 03%/tháng của số tiền vay 30.000.000 đồng theo đơn khởi kiện của bà S1 thì chị T đã trả cho bà S1 được 09 tháng tiền lãi (đến ngày 17-4-2023), tương đương số tiền 8.100.000 đồng. Do chị T không có ý kiến đối với tiền lãi đã trả cho bà S1 vượt quá mức lãi theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự và bà S1 chỉ yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng nên Hội đồng xét xử tính tiền lãi như sau: 20.000.000 đồng X 0,83%/tháng X 15 tháng, 20 ngày (từ ngày 18-4-2023 đến ngày 07-8-2024) = 2.601.000 đồng.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thi Thị S1 đối với chị Quách Thị Hồng T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc chị Quách Thị Hồng T có nghĩa vụ trả cho bà Thi Thị S1 số tiền vay gốc 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng và tiền lãi 2.601.000 đồng. Tổng cộng 22.601.000 đồng.

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của bà Thi Thị S1 đối với chị Quách Thị Hồng T về số tiền vay 10.000.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Quách Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 147, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thi Thị S1 đối với chị Quách Thị Hồng T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc chị Quách Thị Hồng T có nghĩa vụ trả cho bà Thi Thị S1 số tiền vay gốc 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng và tiền lãi 2.601.000 đồng. Tổng cộng 22.601.000 (hai mươi hai triệu, sáu trăm lẻ một nghìn) đồng.

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của bà Thi Thị S1 đối với chị Quách Thị Hồng T về số tiền vay 10.000.000 đồng. Bà Thi Thị S1 có quyền khởi kiện lại phần yêu cầu đã đình chỉ theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Quách Thị Hồng T phải chịu 1.130.000 (một triệu, một trăm ba mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Thi Thị S1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà S1 856.000 (tám trăm, năm mươi sáu nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số **0005872** ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Thi Thị S1, chị Quách Thị Hồng T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC. THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Quốc